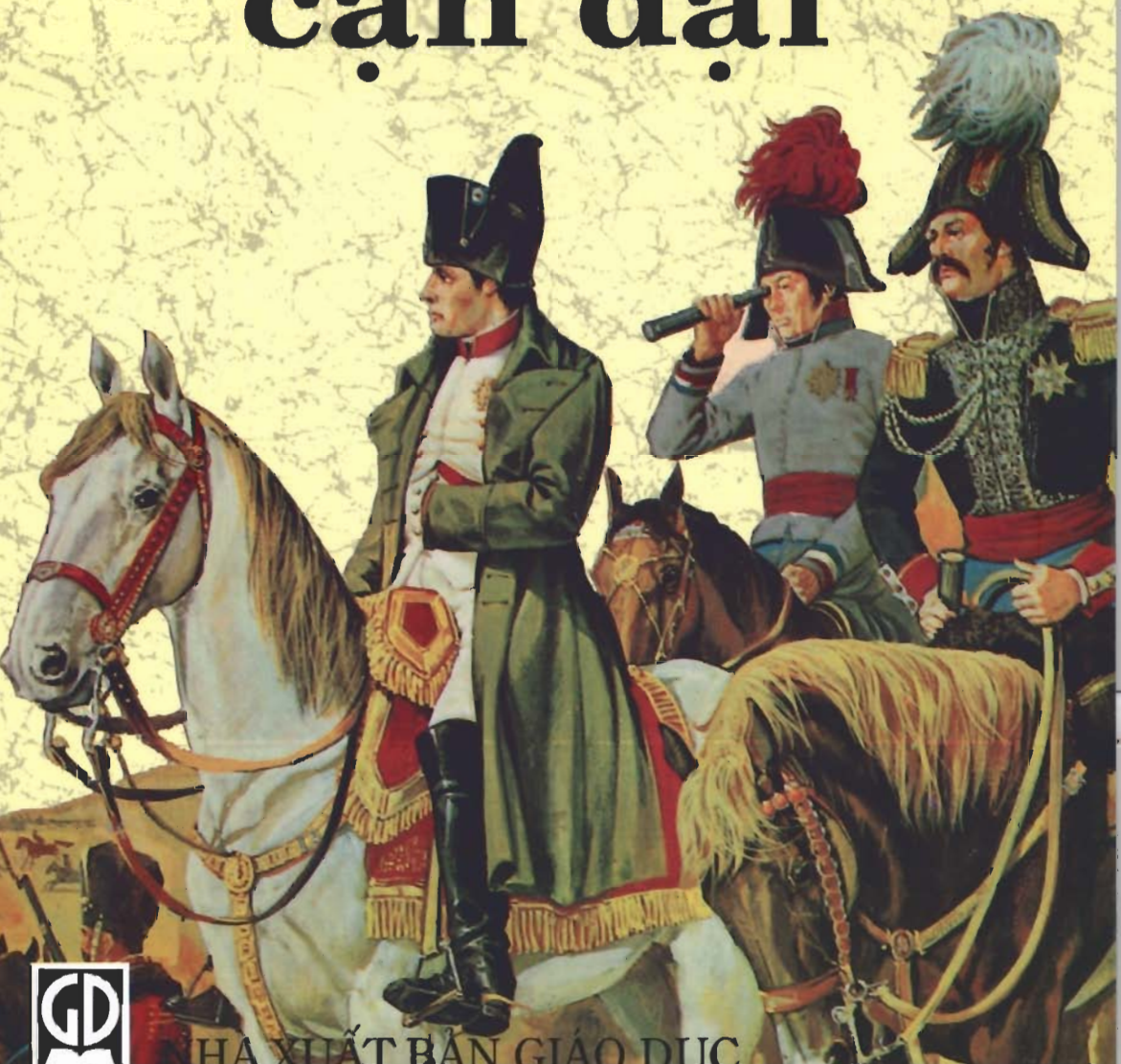


VŨ DƯƠNG NINH · NGUYỄN VĂN HỒNG

# Lịch sử thế giới cận đại



HÀ XẤT BẢN GIÁO DỤC

VŨ DƯƠNG NINH - NGUYỄN VĂN HỒNG

LỊCH SỬ  
THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

*(Tái bản lần thứ mười)*

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

*Chịu trách nhiệm xuất bản :*  
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI  
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

*Biên tập lần đầu :*  
BÙI TUYẾT HƯƠNG

*Biên tập tái bản :*  
LÊ HỒNG SƠN

*Biên tập mỹ thuật :*  
ĐOÀN HỒNG

*Trình bày bìa :*  
Hoạ sĩ. TRẦN VIỆT SƠN

*Sửa bản in :*  
PHAN TỰ TRANG

*Chế bản :*  
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

## LỜI NÓI ĐẦU

Nội dung cơ bản của thời kì lịch sử cận đại là sự chuyển biến từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản chủ nghĩa, sự xác lập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trên phạm vi thế giới.

Những cuộc cách mạng tư sản ở Tây Âu và Bắc Mỹ (giữa thế kỉ XVI - giữa thế kỉ XIX) đã từng bước thiết lập hệ thống chính trị tư sản trong các quốc gia phát triển (Anh, Mỹ, Pháp, Đức) rồi lan tỏa ảnh hưởng ra các nước trên những mức độ khác nhau ở châu Âu, châu Mỹ latin<sup>h</sup> và châu Á. Cùng với sự hình thành bộ máy nhà nước tư sản là sự xuất hiện các trào lưu tư tưởng về quyền con người và quyền công dân; các học thuyết về thể chế chính trị và quyền tự do dân chủ, nổi bật nhất là Triết học Ánh sáng; các dòng văn học lãng mạn và hiện thực phản ánh cuộc vận động lớn lao đó.

Thời kì này còn được đánh dấu bởi cuộc cách mạng công nghiệp, mở đầu bằng việc phát minh và sử dụng máy hơi nước vào sản xuất ở nước Anh cuối thế kỉ XVIII. Một quá trình công nghiệp hóa diễn ra rầm rộ ở châu Âu đã làm thay đổi cách thức sản xuất từ lao động bằng tay, sang sử dụng máy móc và từng bước hình thành một cơ cấu công nghiệp hoàn chỉnh; từ sản xuất quy mô nhỏ lên quy mô lớn với sự ra đời của các nhà máy và các khu công nghiệp, khiến cho loài người trong vòng chưa đầy một trăm năm, có thể sáng tạo nên một lực lượng vật chất to lớn hơn và đồ sộ hơn tất cả các thế hệ trước cộng lại, theo đánh giá của C.Mác và Ph.Ăngghen trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản". Chính những thành tựu kinh tế và kĩ thuật ấy đã khẳng định ưu thế của chế độ tư bản đối với chế độ phong kiến, đã tạo nên một bước ngoặt cơ bản "từ làn sóng văn minh nông nghiệp sang làn sóng văn minh công nghiệp" theo cách diễn đạt của nhà tương lai học A.Toffler.

Kết quả ấy dẫn tới những biến động lớn lao về đời sống xã hội với sự tăng dân số, sự phát triển đô thị, sự pháp lí hóa chế độ gia đình một chồng một vợ và điều quan trọng là sự hình thành các giai cấp xã hội mới.

Giai cấp tư sản công thương nghiệp và giai cấp vô sản công nghiệp - hệ quả tất yếu của cách mạng công nghiệp - trở thành hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản chủ nghĩa, có mối liên hệ khăng khít trong guồng máy sản xuất của nền kinh tế, đồng thời ẩn chứa

mối mâu thuẫn cơ bản về quyền lợi giữa những người thống trị và những người bị trị, giữa tư sản và vô sản. Từ trong sự đối lập dai dẳng ấy đã hình thành trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa tiền công nghiệp (Moro, Mèliè, Babóp...) trào lưu xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp (Xanh Ximông, Phuariè...) cho đến chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác và Ăngghen. Những cuộc đấu tranh tiếp diễn về mặt ý thức hệ cũng như về mặt tổ chức (Quốc tế I, Quốc tế II) trở thành một trong những nét quan trọng của lịch sử phong trào công nhân quốc tế, đi từ học thuyết Mác đến học thuyết Lênin, từ cuộc thử nghiệm Công xã Pari (1871) đến thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga (1917).

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản gắn liền với quá trình thực dân hóa ở các châu lục chậm phát triển. Từ các thuộc địa của người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha trong thời kì phát kiến địa lí (cuối thế kỉ XV) đến hệ thống thuộc địa rộng lớn của người Anh, người Pháp... thì vào cuối thế kỉ XIX hầu như trên hành tinh không còn vùng "đất trống", nghĩa là không nơi nào không bị người phương Tây xâm lược và thống trị.

Các nước châu Á, châu Phi không đứng vững được trước làn sóng thôn tính ào ạt của phương Tây có trình độ kinh tế cao hơn và trang bị kĩ thuật quân sự tối tân hơn nên lần lượt trở thành các thuộc địa và phụ thuộc. Riêng Nhật Bản, với cuộc Duy Tân Minh Trị (1868) đã vượt qua được thử thách đó, giữ vững chủ quyền, vươn lên thành một nước tư bản và bước vào hàng ngũ đế quốc. Thành công của Nhật Bản gây nên tiếng vang lớn, thúc đẩy phong trào tư sản mới xuất hiện yếu ớt ở một số quốc gia châu Á. Người Trung Hoa thất bại trong việc áp dụng kinh nghiệm duy tân trong cuộc vận động năm Mậu Tuất (1898) đã tìm con đường cách mạng với học thuyết Tam Dân của Tôn Trung Sơn, dẫn đến cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) nhưng phải dừng lại nửa chừng. Sự chọn lựa giữa hai khả năng cải lương và cách mạng của các nhà yêu nước phương Đông đã không đem lại kết quả gì khi thế giới bước vào cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất - cuộc giành giật thuộc địa giữa các nước đế quốc. Nhưng dấu sao, khu vực này cũng đã bị lôi cuốn một cách cưỡng bức vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản thế giới.

Như vậy, cho đến trước Cách mạng tháng Mười Nga, cả thế giới đã vận hành ở những tầng cấp khác nhau, vị thế khác nhau trong vòng quay của những quy luật tư bản chủ nghĩa.

\*  
\*       \*  
\*

Có nhiều ý kiến khác nhau trong việc phân định mốc mở đầu và kết thúc của thời kì lịch sử thế giới cận đại. Thực ra, lịch sử phát

triển liên tục mà sự phân kì chỉ có tính chất quy ước, mỗi người theo một quan điểm khác nhau trong việc chọn lựa. Hơn thế nữa, sự vận động lịch sử không diễn ra đồng đều trên tất cả các nước và các khu vực, mốc thời gian phù hợp với nơi này lại không thích ứng với nơi khác.

Tuy vậy, trong khuôn khổ giáo trình đại học, việc định mốc phân kì - dù chỉ coi như quy ước - vẫn là điều cần thiết. Nằm trong toàn bộ quá trình lịch sử từ cổ đến kim, thời kì cận đại xen vào giữa nên phải nhất quán với phần giáo trình trước nó là lịch sử cổ trung đại và sau nó là lịch sử hiện đại. Do vậy, trong giáo trình này, lịch sử thế giới cận đại được bắt đầu từ cuộc cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVII, kết thúc bởi cuộc cách mạng XHCN tháng Mười Nga và Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đầu thế kỉ XX. Ngay trong thời kì cận đại cũng khó có được một sự phân định rõ rệt thống nhất chung cho cả phương Tây và phương Đông. Cho nên, để tiện cho việc học tập của anh chị em sinh viên, chúng tôi chia giáo trình này thành 2 phần :

Phần một : Lịch sử thế giới cận đại phương Tây.

Phần hai : Lịch sử thế giới cận đại phương Đông.

Lịch sử thế giới diễn biến theo một thể thống nhất, có mối liên hệ khăng khít giữa các quốc gia, các khu vực và các châu lục. Các bài giảng nên gợi mở cho sinh viên suy nghĩ trên bình diện tổng quát và phân tích tác động qua lại giữa các sự kiện nhằm khắc phục những hạn chế của sự phân chia tách bạch tạo nên.

\*

\* \*

Giáo trình lịch sử thế giới cận đại đã được sử dụng trong nhiều năm để giảng dạy ở Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội) và một số trường đại học khác. Ý kiến của các giáo sư, các bạn đồng nghiệp cũng như nhiều câu hỏi của sinh viên đã gợi mở cho chúng tôi những điều cần bổ sung, sửa chữa cho mỗi lần xuất bản. Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến tất cả các bạn đọc đã sử dụng và góp ý cho cuốn sách này. Chúng tôi luôn chờ mong và đón nhận các ý kiến đóng góp cho cuốn sách ngày một hoàn chỉnh.

CÁC TÁC GIẢ

*PHẦN MỘT*  
LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI  
PHƯƠNG TÂY

## Chương I

# CÁCH MẠNG TƯ SẢN ANH GIỮA THẾ KỈ XVII

Cuộc cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVII là một trận tấn công vào thành trì của chế độ cũ để xây dựng chế độ xã hội mới, lật đổ quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu, mở đường cho sức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển. Cách mạng Anh là cuộc cách mạng tư sản thứ hai trên thế giới sau cách mạng Hà Lan thế kỉ XVI, nhưng lại là cuộc cách mạng đầu tiên có ý nghĩa lớn đối với quá trình hình thành CNTB trên phạm vi toàn châu Âu và thế giới.

## I - NƯỚC ANH ĐÊM TRƯỚC CỦA CUỘC CÁCH MẠNG

### 1. Những tiền đề kinh tế của cuộc cách mạng

#### *Sự phát triển công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa*

Từ thế kỉ XVI, các ngành công nghiệp ở Anh phát triển mạnh. Những phát minh mới về kĩ thuật, nhất là những hình thức tổ chức mới trong lao động đã làm cho năng suất lao động ngày càng tăng.

*Việc áp dụng máy bơm hơi nước từ các hầm mỏ lên, thúc đẩy sự phát triển công nghiệp khai mỏ. Trong khoảng 100 năm (1551-1651) số lượng than khai thác tăng lên 14 lần, mỗi năm đạt 3 triệu tấn. Đến giữa thế kỉ XVII, Anh sản xuất 4/5 sản lượng than đá toàn châu Âu. Cũng trong thời gian đó, việc khai thác quặng sắt tăng hai lần, kẽm, đồng chì, muối tăng lên 6-8 lần. Việc dùng ống bễ thổi đã thúc đẩy nghề nấu sắt. Đầu thế kỉ XVII, ở Anh có 800 lò, mỗi tuần sản xuất từ 3 đến 4 tấn. Nghề đóng tàu, sản xuất đồ gốm và kim khí cũng đạt được nhiều thành tựu lớn.*

Đáng chú ý nhất là nghề dệt len dạ. Đó là một ngành sản xuất lâu đời ở Anh và đến thế kỉ XVII đã lan rộng khắp toàn quốc. Một người nước ngoài hỏi đó phải thừa nhận rằng "Khắp cả vương quốc từ các thành phố nhỏ cho đến nông thôn và ấp trại đều làm len dạ". Giữa thế kỉ XVI, số lượng len bán ra ngoài chiếm 80% toàn bộ hàng hóa xuất khẩu của nước Anh. Năm 1614, việc xuất cảng len nguyên sơ bị cấm. Nhờ đó, công nghiệp chế biến len tăng lên mạnh mẽ và



nước Anh trở thành nước cung cấp hàng hóa bằng len cho các thị trường bên ngoài.

Bên cạnh các ngành công nghiệp cũ đã xuất hiện những ngành sản xuất mới : bông, giấy, tơ lụa, thủy tinh, xà phòng...

Thương nghiệp Anh cũng đạt nhiều thành tựu to lớn. Thị trường dân tộc được hình thành và các cơ sở kinh doanh của người nước ngoài dần dần bị suy sụp. Thương nhân Anh mở rộng buôn bán với thị trường thế giới, thành lập những công ti thương mại hoạt động từ Ban Tích đến châu Phi, từ Trung Quốc đến châu Mỹ.

*Các công ti lớn nổi tiếng là : "Công ti châu Phi" (1553) buôn vàng, ngà voi và nô lệ da đen ; "Công ti Maixcova" buôn bán dọc sông Vônga để đi vào Ba Tư và Ấn Độ ; "Công ti Phương Đông" (1579) liên lạc với các nước ven biển Ban Tích, Na Uy, Thụy Điển, Ba Lan... "Công ti Tây Ban Nha" (1577), "Công ti Thổ Nhĩ Kỳ" (1581). Đến năm 1600, "Công ti Đông Ấn Độ" được thành lập, đặt nhiều thương điểm ở Xurat, Madrat, Bengan (Ấn Độ), cạnh tranh kịch liệt với thương nhân Hà Lan và Pháp.*

Trung tâm mậu dịch và tài chính lớn của nước Anh là khu Xity (Luân Đôn). Năm 1568, Sở giao dịch được thành lập, có ảnh hưởng không những ở Anh mà cả ở châu Âu nữa. Đến thời kì cách mạng, sự lưu thông về ngoại thương tăng lên gấp hai lần so với đầu thế kỉ XVII.

Sự phát triển của ngoại thương đã thúc đẩy nhanh sự thay đổi công nghiệp. Các ngành công nghiệp, thương nghiệp, hàng hải... phát đạt tới mức độ chưa từng có, tạo nên những yếu tố cách mạng trong lòng xã hội phong kiến đang tan rã. Quan hệ sản xuất mới dần dần hình thành.

Ở nước Anh đã có những công trường tập trung với hàng trăm, hàng ngàn người lao động làm thuê. Nhưng hình thức phổ biến nhất khi đó vẫn là những công trường thủ công phân tán. Gặp nhiều khó khăn trong khi phát triển kinh doanh ở các thành phố là nơi mà chế độ phường hội còn thống trị, các chủ xưởng thường chuyển hướng về nông thôn. Họ phần nhiều là chủ công trường thủ công kiêm chủ bao mua. Họ chuyên bán nguyên liệu cho những người sản xuất hàng hóa nhỏ, phân phối vật liệu cho các gia đình chế tạo rồi thu mua từng phần hoặc mua cả sản phẩm. Như vậy, những người thợ thủ công vẫn ở ngay nhà mình, rải rác trong các thôn xóm nhưng bị lệ thuộc vào nhà tư bản. Còn về phía chủ thì chỉ cần lập nên một xưởng nhỏ để lắp hoặc sửa sang lần cuối cùng thứ hàng sắp đem bán. Thường thường việc bán nguyên liệu và mua sản phẩm xen lẫn với việc cho vay nặng lãi làm cho đời sống của thợ thủ công càng

thêm bị đất, ngày làm việc kéo dài, lương hạ thấp, bị phá sản và trở thành công nhân làm thuê.

Đồng thời, những người sản xuất hàng hóa nhỏ độc lập vẫn còn giữ một vai trò khá lớn.

Sự phát triển công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa làm thay đổi bộ mặt của nước Anh. Nhiều thành phố lớn mọc lên. Luân Đôn trở thành trung tâm công thương nghiệp quan trọng nhất, có 20 vạn dân. Tuy nhiên, nước Anh vào nửa thế kỉ XVII vẫn còn thua kém Hà Lan về các mặt công nghiệp, thương nghiệp và hàng hải, luôn luôn gặp phải sự cạnh tranh của các thuyền buôn Hà Lan.

### *Tình trạng nông nghiệp và sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản vào nông thôn*

Mặc dầu đã có một số thành tựu về công thương nghiệp, nước Anh đầu thế kỉ XVII vẫn còn là một nước nông nghiệp. Trong số 5 triệu rưỡi cư dân, chỉ có 1/5 ở thành thị, còn 4/5 vẫn ở nông thôn. Quan hệ sản xuất phong kiến thống trị rất lâu đời trong nông thôn. Ruộng đất là tài sản của quý tộc địa chủ. Nông dân cấy cấy ruộng đất phải nộp tô cho địa chủ theo kì hạn và theo mức quy định vĩnh viễn. Nông dân không được tự ý bán hoặc trao đổi phần đất của mình mà chỉ truyền lại cho con cháu sau khi đã nộp tô kế thừa và được địa chủ cho phép. Ngay cả những nông dân khá giả tuy có một phần đất đai riêng, cũng vẫn phải nộp tô đại dịch cho địa chủ. Về thân phận, mặc dầu được tuyên bố tự do, chế độ nông nô đã bãi bỏ, nhưng địa chủ vẫn có quyền xét xử và quyền quản lí về hành chính đối với những người sống trong trang viên, lãnh địa của họ. Ngoài phần đất của địa chủ và nông dân chiếm làm tư hữu, còn có phần ruộng đất công xã như đất hoang, rừng rú và đồng cỏ. Tất cả mọi người đều được sử dụng đất công xã để chăn nuôi. Những nông dân nghèo khổ cũng phải sống nhờ vào phần đất của công xã.

Tuy nhiên do sự phát triển của công nghiệp len dạ ngày càng mạnh, nên nghề nuôi cừ trở thành nghề có lợi nhất. Địa chủ không thỏa mãn với địa tô thu được của nông dân nên đều tăng nguồn thu nhập riêng bằng cách tước đoạt ruộng đất mà nông dân đang cấy cấy, rào ruộng đất riêng và cả một phần ruộng đất của công xã, biến thành đồng cỏ chăn cừu và cấm súc vật của nông dân vào. Nông dân không có chỗ trồng trọt và chăn nuôi, bị đuổi hàng loạt ra khỏi ruộng đất, sống cuộc đời vô cùng khổ cực. Hối thế kỉ XVI, Tômát Morơ đã tả lại cảnh đó như sau : "Những con cừu xưa kia ngoan ngoãn hiền hậu biết bao, bây giờ đều trở thành những con vật hung hãn, tham lam. Cừu ăn thịt người, phá hoại ruộng vườn, nhà cửa và thành thị". Việc chuyển đồng lúa thành đồng cỏ để chăn cừu, hoặc nói cách khác, quá trình "cừu ăn thịt người" đem lại hai